

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày: 27 - 02 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Quang;
2. Bà Tôn Thị Ngọc Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn C (tên thường gọi: E), sinh năm 1997 tại Campuchia; nơi cư trú: Ấp B4, xã P, huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc T1 và 01 (một) người con sinh năm 2016.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 13/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G xử phạt 01 (một) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo bản án số 17/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt ngày 07/02/2018.

Bị bắt, tạm giam ngày 03/10/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Văn H, sinh năm 1990; trú tại: Ấp 8, xã L, thị xã M, tỉnh H. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Hoài T2, sinh năm 1999; trú tại: 146D ấp A, xã S, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 ngày 23/9/2018, Trần Văn C ngồi uống bia cùng với ông Trần Văn H và ông Nguyễn Hoài T2 tại nhà ông T2 tại địa chỉ số 146D, ấp A, xã S, thị xã T, tỉnh B. Trong lúc uống bia, ông H có hỏi mượn 2.000.000 đồng để đóng tiền học cho con nhưng mọi người không có thì C nói sẽ chở H đến nhà người quen để hỏi mượn tiền. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, ông H giao xe mô tô hiệu Honda, kiểu dáng Vision biển số 95B1-597.57 cho C điều khiển chở ông H đến nhà người quen ở xã A để mượn tiền nhưng không có. Trần Văn C tiếp tục điều khiển xe mô tô chở ông H đến khu phố Thạnh Bình, phường A, thị xã Thuận An để gặp người quen của C (không rõ nhân thân, lai lịch) để mượn tiền. Lúc này, C nảy sinh ý đoạt chiếm đoạt xe mô tô của ông H nên khi đến đoạn đường nhánh từ đường Hồ Văn M vào khu sản xuất A khoảng 50m thuộc khu phố B, phường A, thị xã Thuận An, C nói dối với H là H xuống xe đợi để C vào nhà người quen mượn tiền giúp H. Sau khi để H xuống xe, C điều khiển xe mô tô biển số 95B1-597.57 chạy đến khu vực cửa khẩu M, tỉnh N, bán xe mô tô cho một thanh niên tên N1 (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 6.000.000 đồng và tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 02/10/2018, ông H gặp C đang ở khu vực xã A, thị xã B1, tỉnh B nên đã đến Công an xã A, thị xã B trình báo. Ngày 03/10/2018 Trần Văn C bị bắt.

Vật chứng thu giữ: Không thu hồi được.

Tại Biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản ngày 11/10/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu đỏ - đen, số khung 5812GY877758, số máy JF66E0867526, biển số 95B1-597.57 có trị giá là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Tại Cáo trạng số: 42/CT-VKSTA ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn C từ tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo C có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 23/9/2018, do có ý định chiếm đoạt xe mô tô của Trần Văn H nên C giả vờ nói dối để H giao chiếc xe mô tô biển số 95B1-597.57 cho C đi vào nhà người quen mượn tiền giúp H. Sau khi nhận được xe, C điều khiển xe chạy đến khu vực cửa khẩu M, tỉnh N, bán với giá 6.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 02/10/2018, ông H gặp C đang ở khu vực xã A, thị xã B1, tỉnh B nên đã đến Công an xã A, thị xã B trình báo. Ngày 03/10/2018 Trần Văn C bị bắt.

Hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của ông Trần Văn H chiếc xe mô tô trị giá 29.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản người khác trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Tuy nhiên, bị cáo C có nhân thân xấu từng bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G xử phạt 01 (một) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo bản án số 17/2017/HSST ngày 13/6/2017. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 07/02/2018, nhưng do thời điểm này bị cáo C phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không tính để xác định tái phạm.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu đỏ - đen, số khung 5812GY877758, số máy JF66E0867526, biển số 95B1-597.57 thuộc sở hữu của ông Trần Văn H. Sau khi chiếm đoạt xe bị cáo đã bán chiếc xe này cho một người thanh niên không rõ nhân thân lai lịch tại khu vực cửa khẩu M, tỉnh N với giá 6.000.000đ và tiêu xài hết. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Thuận An đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không hồi được. Ông H yêu cầu bị cáo C có trách nhiệm thanh toán lại trị giá chiếc xe theo kết quả định giá số tiền là 29.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý yêu cầu bồi thường của bị hại H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với đối tượng mua chiếc xe mô tô biển số 95B1-597.57 do bị cáo C chiếm đoạt mà có, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên khi nào xác định sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Trần Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn C có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn Hien số tiền là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Thuận An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Thủy